

Số: /TB - CHKQTCR

Cam Ranh, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

V/v: Bảo dưỡng định kỳ năm 2025 cho 03 xe cứu hỏa BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh

Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh tổ chức mời chào giá rộng rãi để cung cấp dịch vụ “Bảo dưỡng định kỳ năm 2025 cho 03 xe cứu hỏa BKS: CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá

1.1. Yêu cầu đối với hàng hóa/dịch vụ:

- Quy mô, khối lượng: Theo bảng Phụ lục 01 kèm theo.

1.2. Yêu cầu kỹ thuật:

- Yêu cầu chung:

+ Vật tư/phụ tùng cung cấp: Mới 100%, chưa qua sử dụng.

+ Xuất xứ: Vật tư/phụ tùng cung cấp có xuất xứ rõ ràng.

+ Năm sản xuất: 2024 trở về sau.

+ Bảo hành: 06 tháng cho các vật tư/phụ tùng và phần công việc thực hiện kể từ ngày 2 Bên ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng

+ Có giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO) do phòng thương mại nước xuất khẩu hoặc hãng sản xuất cấp (bản gốc hoặc bản sao công chứng) đối với vật tư/phụ tùng nhập khẩu.

+ Có giấy chứng nhận xuất xưởng (CQ) hoặc (COA) (bản gốc hoặc bản sao công chứng) hoặc văn bản cam kết (bản gốc) cung cấp vật tư/phụ tùng chính hãng, đảm bảo chất lượng của đơn vị cung cấp đối với vật tư/phụ tùng được sản xuất và phân phối trong nước.

- Yêu cầu chi tiết: Theo bảng Phụ lục 2 kèm theo.

- Thời gian cung cấp hàng hóa/dịch vụ:

+ Đối với bảo dưỡng 06 tháng đầu năm 2025: 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

+ Đối với bảo dưỡng 06 tháng cuối năm 2025: 50 ngày kể từ ngày Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh thông báo thực hiện bảo dưỡng 06 tháng cuối năm (thực hiện trong quý IV/2025) đến đơn vị thực hiện.

- Địa điểm thực hiện: Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh.

- Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ chào giá: 60 ngày kể từ ngày 11/7/2025.

- Yêu cầu về điều kiện thanh toán:

+ Thanh toán thành 2 lần: Lần 1 sau khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu bảo dưỡng lần 1 (cấp bảo dưỡng 06 tháng); Lần 2 sau khi hai bên ký Biên bản nghiệm thu bảo dưỡng lần 2 (cấp bảo dưỡng 12 tháng).

+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Quy cách báo giá: Báo giá phải chào bằng đồng tiền Việt Nam, bao gồm đầy đủ các thuế, phí theo quy định của nhà nước.

- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị, đóng dấu (nếu có).

2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá

- Thời hạn nộp hồ sơ chào giá: Trước 10 h 00 ngày 18 tháng 7 năm 2025.

- Địa chỉ nộp hồ sơ chào giá: Phòng Văn thư – Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh; Địa chỉ: Sân bay Cam Ranh, Phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

3. Thông tin liên hệ:

- Phòng Điều hành sân bay.

- Địa chỉ: Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

- Số điện thoại liên hệ: 0905530607

- Người liên hệ: Ông Phạm Văn Lợi - Đội trưởng đội KN-PCCC.

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Đăng ký hoạt động hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương;

- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

(Kèm theo Văn bản này là Mẫu biểu đơn chào giá).

Nơi nhận:

- Nhà cung cấp;
- Các PGĐ;
- Báo Khánh Hòa (để đăng tải);
- Website Cảng HKQT Cam Ranh (để đăng tải);
- Lưu VT, ĐHSB (Lôi, 02b).

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

MẪU BIỂU ĐƠN CHÀO GIÁ

Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

Theo yêu cầu của Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, chúng tôi, Công ty _____ xin chào giá hạng mục “_____” như sau:

I. Đợt 1: Bảo dưỡng 6 tháng đầu năm (cấp bảo dưỡng 6 tháng).

1. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe.....

Stt	Tên vật tư, dịch vụ	Đvt	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	% VAT	Tiền Thuế (VNĐ)	Tổng tiền (VNĐ)
1								
2								
3								
	CỘNG (CHƯA BAO GỒM VAT):							
	THUẾ VAT							
	TỔNG (ĐÃ BAO GỒM VAT):							

2. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe.....

Tổng chi phí đợt 1 (1 + 2 + ...) =

Bằng chữ.....

II. Đợt 2: Bảo dưỡng 6 tháng cuối năm (cấp bảo dưỡng 12 tháng).

1. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe.....

Stt	Tên vật tư, dịch vụ	Đvt	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	% VAT	Tiền Thuế (VNĐ)	Tổng tiền (VNĐ)
1								
2								
3								
	CỘNG (CHƯA BAO GỒM VAT):							
	THUẾ VAT							
	TỔNG (ĐÃ BAO GỒM VAT):							

2. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe.....

Tổng chi phí đợt 2 (1 + 2 + ...) =

Bằng chữ.....

TỔNG CỘNG CHI PHÍ 2 ĐỢT (I + II) =.....

Bằng chữ:

Các điều kiện thương mại:

1. Hình thức hợp đồng: *[trọn gói hoặc theo đơn giá cố định]*.

2. Thời hạn thực hiện hợp đồng: ngày/ tháng.

3. Điều kiện thanh toán / tạm ứng:
4. Địa điểm giao hàng:
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: _____ ngày kể từ ngày __/__/____ (*ghi ngày hết hạn nộp báo giá, tương đương ngày hết hạn nộp hồ sơ chào giá*).
6. Các yêu cầu khác (nếu có): _____

Đại diện có thẩm quyền của Công ty
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Phụ lục 1**Bảng quy mô****Bảo dưỡng định kỳ năm 2025 cho 03 xe cứu hỏa BKS: CXR-12101;****CXR-12102; CXR-12103 tại Cảng HKQT Cam Ranh***(Kèm theo Thông báo số /TB-CHKQTCR ngày /7/2025)***I. Bảo dưỡng đợt 1 (Cấp bảo dưỡng 06 tháng)****1. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12101; CXR-12102 (Hiệu Rosenbauer).**

Stt	Tên vật tư, dịch vụ	ĐVT	Số lượng
1	Dầu nhớt máy động cơ	Lít	54
2	Mỡ bôi trơn	Kg	05
3	Lọc nhớt	Cái	02
4	Lõi lọc khô khí nén (Lọc tách nước khí nén)	Cái	02
5	Nhân công thực hiện	Trọn gói	01

3. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12103 (Hiệu Titan E-one).

Stt	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Dầu nhớt máy động cơ	Lít	36
2	Lọc nhớt	Cái	1
3	Mỡ bôi trơn	Kg	5
4	Nhân công thực hiện	Trọn gói	01

II. Bảo dưỡng đợt 2 (Cấp bảo dưỡng 12 tháng)**1. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12101; CXR-12102 (Hiệu Rosenbauer).**

Stt	Tên vật tư, dịch vụ	ĐVT	Số lượng
1	Dầu nhớt máy động cơ	Lít	54
2	Mỡ bôi trơn	Kg	10
3	Nhớt bơm môi	Lít	9
4	Nhớt hộp số chính, nhớt bộ chia	Lít	76
5	Nhớt cầu vi sai	Lít	72
6	Dầu nhớt trợ lực hệ thống lái	Lít	48
7	Nước làm mát động cơ	Xô	4

8	Lọc nhớt	Cái	2
9	Lọc nhiên liệu	Cái	1
10	Lọc dầu	Cái	1
11	Lọc thủy lực (hộp số)	Cái	1
12	Lõi lọc khô khí nén (Lọc tách nước khí nén)	Cái	2
13	Nhân công thực hiện	Trọn gói	1

2. Vật tư, nhân công bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12103 (Hiệu Titan E-one).

Stt	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Dầu nhờn máy động cơ	Lít	36
2	Lọc nhớt	Cái	1
3	Lọc nhiên liệu tinh	Cái	1
4	Lọc nhiên liệu thô	Cái	1
5	Lọc dầu	Cái	1
6	Lọc thủy lực	Cái	2
7	Dầu nhờn hệ thống lái	Lít	36
8	Mỡ bôi trơn	Kg	10
9	Nước làm mát động cơ	Xô	4
10	Dầu nhờn hộp bánh răng hệ thống bơm nước	Lít	54
11	Nhân công thực hiện	Trọn gói	01

Phụ lục số 2

Yêu cầu chi tiết vật tư bảo dưỡng 03 xe cứu hỏa BKS:
CXR-12101; CXR-12102; CXR-12103 – Cảng HKQT Cam Ranh
(Kèm theo Thông báo số /TB-CHKQTCR ngày /7/2025)

I. Bảo dưỡng đợt 1 (Cấp bảo dưỡng 06 tháng)

1. Vật tư bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12101; CXR-12012 (Hiệu Rosenbauer).

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư, thông số kỹ thuật
1	Dầu nhờn máy động cơ	Nhớt máy động cơ loại 15W-40 CI4 hoặc tương đương: Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15oC): 0.8743g/cm - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100oC): 14.21mm ² /s - CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s
2	Mỡ bôi trơn	Mỡ nhờn Spheerol CV 16x0.5kg VE hoặc tương đương:
3	Lọc nhớt	Mã số 1R-1808 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài (height): 307 mm ≈ 12,13" - Đường kính ngoài (OD): ~137 mm (5,44") - Gioăng: ID (lỗ trong): 3,44" ; OD (lỗ ngoài): 4,33" - Độ dày: 0,28"
4	Lõi lọc khô khí nén (Lọc tách nước khí nén)	Mã số E9560-0202 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Áp suất vận hành tối đa (Max. operating pressure): 14.0 bar - Kích thước ren cổng (Port threads): M39 x 1.5
5	Công thực hiện bảo dưỡng	Công dịch vụ bảo dưỡng bao gồm: - Công thực hiện bảo dưỡng, thay thế vật tư. - Chi phí đi lại, ăn ở cho CBNV kỹ thuật trong thời gian thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra và nghiệm thu. - Chi phí vận chuyển vật tư và các chi phí khác liên quan để thực hiện.

2. Vật tư bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12103 (Hiệu Titan E-one).

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư, thông số kỹ thuật
1	Dầu nhờn máy động cơ	Nhớt máy động cơ loại 15W-40 CI4 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15oC): 0.8743g/cm - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở

		100oC): 14.21mm ² /s - CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s
2	Lọc nhớt	Mã số P551670 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 118 mm (4.65 inch) - Ren kết nối (Thread Size): 1 1/2-12 UN - Chiều dài (Length): 260mm(10.24 inch) - Giăng lỗ ngoài (Gasket OD): 110 mm (4.33 inch) - Gioăng lỗ ngoài (Gasket ID): 98 mm (3.86 inch)
3	Mỡ bôi trơn	Mỡ nhớt Spheerol CV 16x0.5kg VE hoặc tương đương:
4	Công thực hiện bảo dưỡng	Công dịch vụ bảo dưỡng bao gồm: - Công thực hiện bảo dưỡng, thay thế vật tư; - Chi phí đi lại, ăn ở cho CBNV kỹ thuật trong thời gian thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra và nghiệm thu. - Chi phí vận chuyển vật tư và các chi phí khác liên quan để thực hiện.

II. Bảo dưỡng đợt 2 (Cấp bảo dưỡng 12 tháng)

1. Vật tư bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12101; CXR-12102 (Hiệu Rosenbauer).

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư, thông số kỹ thuật
1	Dầu nhớt máy động cơ	Nhớt máy động cơ loại 15W-40 CI4 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15oC): 0.8743g/cm - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100oC): 14.21mm ² /s - CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s
2	Mỡ bôi trơn	Mỡ nhớt Spheerol CV 16x0.5kg VE hoặc tương đương:
3	Nhớt bơm mỡ	Nhớt bơm mỡ loại 80W ((phù hợp với các hệ thống thủy lực và truyền động yêu cầu loại nhớt SAE 10W) hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Khối lượng riêng ở 15°C: 0.884 g/ml - Độ nhớt động học ở 100°C: 9.8 mm ² /s - Độ nhớt động học ở 40°C: 55 mm ² /s - Chỉ số độ nhớt: 161 - Điểm rót chảy: -45 °C
4	Nhớt hộp số chính, nhớt bộ chia	Nhớt hộp số chính, nhớt bộ chia loại 10W/80W ((phù hợp với các hệ thống thủy lực và truyền động yêu cầu loại nhớt SAE 10W) hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật:

		- Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Khối lượng riêng ở 15°C: 0.884 g/ml - Độ nhớt động học ở 100°C: 9.8 mm²/s - Độ nhớt động học ở 40°C: 55 mm²/s - Chỉ số độ nhớt: 161 - Điểm rót chảy: -45 °C
5	Nhớt cầu vi sai	Nhớt cầu vi sai loại 80W-90 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Density at 15 oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8899 g/cm³ - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 14.11 mm²/s - Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 111 - Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 196 °C
6	Dầu nhờn trợ lực hệ thống lái	Dầu trợ lực hệ thống lái ATF hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Can 4 lít - Density at 15 oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8458 g/cm³ - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 7.201 mm²/s - Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 201 - Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 227 °C
7	Nước làm mát động cơ	Nước giải nhiệt 365-8396 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Chu kỳ thay thế: Lên đến 12.000 giờ khi sử dụng - Loại bao bì: Xô nhựa (pail) - Dung tích: 18 lít - Vật liệu: Dung dịch làm mát cao cấp - Đơn vị đo: Lít (mm)
8	Lọc nhớt	Mã số 1R-1808 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật - Chiều dài (height): 307 mm ≈ 12,13" - Đường kính ngoài (OD): ~137 mm (5,44") - Gioăng: ID (lỗ trong): 3,44"; OD (lỗ ngoài): 4,33" - Độ dày: 0,28"
9	Lọc nhiên liệu	Mã số 1R0749 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Chiều cao tổng thể: ~266–267 mm (10,5 – 10,75") - Đường kính ngoài: ~93,5–94 mm (3,68–3,75") - Ren kết nối: 1-14 UN (1-14-2B)
10	Lọc dầu	Mã số P550747 hoặc tương đương Loại: lọc dầu nhiên liệu thô Thông số kỹ thuật; - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 109 MM (4.29Inches) - Ren kết nối (Thread Size): 1-14UN

		- Chiều dài (Length): 155.2 MM (8.54 Inches)
11	Lọc thủy lực (hộp số)	Mã số P165569 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 121 mm (4.76inch). - Ren kết nối (Thread Size): 1 3/4-12 UN - Chiều dài (Length): 295.4 mm (11.63 inch) - Gioăng lỗ ngoài (Gasket OD): 86 mm (3.39 inch) - Gioăng lỗ trong (Gasket ID): 79 mm (3.11 inch)
12	Lõi lọc khô khí nén (Lọc tách nước khí nén)	Mã số E9560-0202 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Áp suất vận hành tối đa (Max. operating pressure): 14.0 bar - Kích thước ren cổng (Port threads): M39 x 1.5
13	Công thực hiện bảo dưỡng	Công dịch vụ bảo dưỡng bao gồm: - Công thực hiện bảo dưỡng, thay thế vật tư; - Chi phí đi lại, ăn ở cho CBNV kỹ thuật trong thời gian thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra và nghiệm thu. - Chi phí vận chuyển vật tư và các chi phí khác liên quan để thực hiện.

2. Vật tư bảo dưỡng xe cứu hỏa CXR-12103 (Hiệu Titan E-one).

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư, thông số kỹ thuật
1	Dầu nhờn máy động cơ	Nhớt máy động cơ loại 15W-40 CI4 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15oC): 0.8743g/cm - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100oC): 14.21mm ² /s - CCS (SAE J 300-2015) (Độ nhớt khởi động lạnh): 6000mPa.s
2	Lọc nhớt	Mã số P551670 hoặc tương đương - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 118 mm (4.65inch) - Ren kết nối (Thread Size): 1 1/2-12 UN - Chiều dài (Length) :260mm (10.24inch) - Giăng lỗ ngoài (Gasket OD): 110 mm (4.33 inch) - Gioăng lỗ ngoài (Gasket ID): 98 mm (3.86 inch)
3	Lọc nhiên liệu tinh	Mã số P556916 hoặc tương đương - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 93 mm (3.66inch) - Ren kết nối (Thread Size): 13/16-12 UN - Chiều dài (Length): 174 mm (6.85 inch) - Giăng lỗ ngoài (Gasket OD): 86.2 mm (3.39 inch) - Giăng lỗ trong (Gasket ID): 77.5 mm (3.05 inch)
4	Lọc nhiên liệu thô	Mã số P550747 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 109 MM (4.29Inches)

		- Ren kết nối (Thread Size): 1-14UN - Chiều dài (Length): 155.2 MM (8.54 Inches)
5	Lọc dầu	Mã số P550223 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật - Đường kính ngoài (Outer Diameter): 118.5 mm (4.67inch) - Ren kết nối (Thread Size): 1 5/16-12 UN - Chiều dài (Length): 260 mm (10.24 inch) - Gioăng lỗ ngoài (Gasket OD): 107.6 mm (4.24 inch) - Gioăng lỗ trong (Gasket ID): 93 mm (3.66 inch)
6	Lọc thủy lực	Mã số P171315 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật - Đường kính ngoài 68.4 mm (2.69 inch) - Đường kính trong 27.43 mm (1.08 inch) - Chiều dài 236.5 mm (9.31 inch)
7	Dầu nhớt hệ thống lái	Dầu trợ lực hệ thống lái ATF hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Can 4 lít - Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8458 g/cm³ - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 7.201 mm²/s - Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 201 - Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 227 °C
8	Mỡ bôi trơn	Mỡ nhớt Spheerol CV 16x0.5kg VE hoặc tương đương:
9	Nước làm mát động cơ	Nước giải nhiệt 365-8396 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật: - Chu kỳ thay thế: Lên đến 12.000 giờ khi sử dụng - Loại bao bì: xô nhựa (pail) - Dung tích: 18 lít - Vật liệu: Dung dịch làm mát cao cấp - Đơn vị đo: Lít (mm)
10	Dầu nhớt hộp bánh răng hệ thống bơm nước	Nhớt loại 80W-90 hoặc tương đương. Thông số kỹ thuật: - Hình thức đóng gói: Xô 18 lít. - Density at 15oC (Khối lượng riêng ở 15 oC): 0.8899 g/cm³ - Kinematic Viscosity at 100oC (Độ nhớt động học ở 100o C): 14.11 mm²/s - Viscosity Index (Chỉ số độ nhớt): 111 - Flash Point (C.O.C.) (Điểm chớp cháy C.O.C): 196 °C
11	Công thực hiện bảo dưỡng	Công dịch vụ bảo dưỡng bao gồm: - Công thực hiện bảo dưỡng, thay thế vật tư; - Chi phí đi lại, ăn ở cho CBNV kỹ thuật trong thời gian thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra và nghiệm thu. - Chi phí vận chuyển vật tư và các chi phí khác liên quan để thực hiện.

